

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN - LẦN 2
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Thẩm định tín dụng		
Mã học phần:	71FINC40183	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71FINC40183_01		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
☐ Đề thi có sử dụng phần mềm riêng	GV ghi cụ thể tên phần mềm:		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024.**

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân tích nguyên tắc, quy trình, nội dung thẩm định hồ sơ pháp lý, dự án phương án vay vốn, tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng	Trắc nghiệm	40%	1-8	4	PI3.3
CLO2	Đề xuất giải pháp tín dụng dựa trên kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, dự án phương án vay vốn, tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.	Tự luận	40%	9	4	PI 4.1
CLO5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, ý thức pháp luật.	Tự luận	20%	9	2	PI 5.3

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 câu hỏi + 0.5 điểm/ từng câu hỏi)

Một dự án đầu tư có vốn là 80 tỷ, thời gian đầu tư là 12 năm, khấu hao vốn đầu tư theo đường thẳng. Trong điều kiện bình thường kết quả hoạt động kinh doanh hằng năm có dự tính như sau: Doanh thu 150 tỷ, biến phí 75 tỷ, định phí 40 tỷ, lãi vay 20 tỷ, thuế suất thuế TNDN 25%, lãi suất chiết khấu dòng tiền 8%/ năm

Câu 1. Tính EBIT của mỗi năm (0.5 điểm)

- A. 35 tỷ VNĐ
- B. 25 tỷ VNĐ
- C. 40 tỷ VNĐ
- D. 75 tỷ VNĐ

ANSWER: A

Câu 2. Tính EAT cuối mỗi năm (0.5 điểm)

- A. 11.25 tỷ VNĐ
- B. 3.75 tỷ VNĐ
- C. 15 tỷ VNĐ
- D. 36 tỷ VNĐ

ANSWER: A

Câu 3. Tính dòng tiền CF mỗi năm(0.5 điểm)

- A. 32.91 tỷ VNĐ
- B. 30.91 tỷ VNĐ
- C. 27.91 tỷ VNĐ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Câu 4. Tính NPV (1 điểm) (0.5 điểm)

- A. 168.063 tỷ VNĐ
- B. 160.063 tỷ VNĐ
- C. 178.063 tỷ VNĐ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Câu 5. Tính dòng tiền CF trong điều kiện tốt khi doanh thu tăng 10% (0.5 điểm)

- A. 38.54 tỷ VNĐ
- B. 35.54 tỷ VNĐ
- C. 42.54 tỷ VNĐ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Câu 6. Tính NPV trong điều kiện tốt khi doanh thu tăng 10% (0.5 điểm)

- A. 210.440 tỷ VNĐ
- B. 200.440 tỷ VNĐ
- C. 230.440 tỷ VNĐ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Câu 7. Tính dòng tiền CF trong điều kiện xấu khi doanh thu giảm 10% (0.5 điểm)

- A. 27.29 tỷ VNĐ
- B. 25.29 tỷ VNĐ
- C. 21.29 tỷ VNĐ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Câu 8. Tính NPV trong điều kiện xấu khi doanh thu giảm 10% (0.5 điểm)

- A. 125.660 tỷ VNĐ
- B. 121.660 tỷ VNĐ
- C. 128.660 tỷ VNĐ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (1 câu hỏi + 6 điểm)

Câu 9: (6 điểm)

Ông A đến vay tín chấp tại ngân hàng TMCP ABC số tiền 550 triệu để sửa chữa nhà. Số liệu cá nhân của ông A như sau:

- Thu nhập hàng tháng tại công ty của ông A là 40 triệu đồng/tháng.

- Ông A có 1 căn nhà cho thuê hàng tháng cố định là 15 triệu đồng.
- Vợ của ông A bán tạp hóa ở nhà với doanh thu (ông A khai báo) là 3 triệu/ngày. Giá vốn 80% (hàng hóa không dễ hư hỏng).
- Mức chi tiêu trong gia đình khoảng 30 triệu đồng/tháng.

- a. Hãy tính thời gian vay ngắn nhất cho ông A và lên bảng tính KH trả nợ hàng tháng cho ông A biết rằng lãi suất cho vay là 9%/năm, tính trên dư nợ ban đầu, tháng có 30 ngày (4 điểm)
- b. Ông A phải cung cấp những chứng từ tối thiểu nào để đáp ứng nhu cầu thẩm định của ngân hàng TMCP ABC? (2 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																																																																											
I. Tự luận																																																																														
Câu 2		6.0																																																																												
Nội dung a.	Khả năng trả nợ: 43 triệu Kế hoạch trả nợ: <table><tr><th>Kỳ</th><th>Dư nợ</th><th>Trả gốc</th><th>Lãi vay</th><th>Tổng</th></tr><tr><td>1</td><td>550</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>2</td><td>511.125</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>3</td><td>468.125</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>4</td><td>429.25</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>5</td><td>386.25</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>6</td><td>347.375</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>7</td><td>304.375</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>8</td><td>265.5</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>9</td><td>222.5</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>10</td><td>183.625</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>11</td><td>140.625</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>12</td><td>101.75</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>13</td><td>58.75</td><td>38.875</td><td>4.125</td><td>43</td></tr><tr><td>14</td><td>19.875</td><td>19.875</td><td>4.125</td><td>24</td></tr></table> Thời gian trả nợ ngắn nhất: 14 tháng	Kỳ	Dư nợ	Trả gốc	Lãi vay	Tổng	1	550	38.875	4.125	43	2	511.125	38.875	4.125	43	3	468.125	38.875	4.125	43	4	429.25	38.875	4.125	43	5	386.25	38.875	4.125	43	6	347.375	38.875	4.125	43	7	304.375	38.875	4.125	43	8	265.5	38.875	4.125	43	9	222.5	38.875	4.125	43	10	183.625	38.875	4.125	43	11	140.625	38.875	4.125	43	12	101.75	38.875	4.125	43	13	58.75	38.875	4.125	43	14	19.875	19.875	4.125	24	1.0 1.0 1.0	
Kỳ	Dư nợ	Trả gốc	Lãi vay	Tổng																																																																										
1	550	38.875	4.125	43																																																																										
2	511.125	38.875	4.125	43																																																																										
3	468.125	38.875	4.125	43																																																																										
4	429.25	38.875	4.125	43																																																																										
5	386.25	38.875	4.125	43																																																																										
6	347.375	38.875	4.125	43																																																																										
7	304.375	38.875	4.125	43																																																																										
8	265.5	38.875	4.125	43																																																																										
9	222.5	38.875	4.125	43																																																																										
10	183.625	38.875	4.125	43																																																																										
11	140.625	38.875	4.125	43																																																																										
12	101.75	38.875	4.125	43																																																																										
13	58.75	38.875	4.125	43																																																																										
14	19.875	19.875	4.125	24																																																																										
Nội dung b.	Hồ sơ pháp lý: Căn cước công dân 2 vợ chồng Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 2 vợ chồng	0.5																																																																												
	Hồ sơ chứng minh thu nhập: Sao kê lương, hợp đồng lao động ông A Sao y sổ hồng nhà cho thuê+ hợp đồng thuê + sao kê tài khoản nhận tiền thuê nhà hàng tháng Báo cáo kết quả kinh doanh tạp hóa; hóa đơn Hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng vốn: Sổ hồng căn nhà cần sửa chữa Giấy phép xây dựng Hợp đồng mua vật liệu xây dựng Hợp đồng thuê khoán xây dựng Bản vẽ thiết kế	1 0.5																																																																												
	Điểm tổng	10.0																																																																												

Người duyệt đề



TS. Phạm Thị Hà An

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024
Giảng viên ra đề



TS. Phạm Thị Hà An